



Số / Serial
218/UBND-TP
Mã QR: HN-2026-SPX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

Certificate confirming marital status ("certificate of celibacy") - Form TP/HT-2020-TTHN under the Civil Status Law, Decree No. 123/2015/NĐ-CP and Circular No. 04/2020/TT-BTP

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC XÁC NHẬN

① Họ, chữ đệm, tên Full name	JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE
Ngày, tháng, năm sinh Date of birth	12/06/1985
Giới tính Gender	Nam
Quốc tịch Nationality	Pháp (France) — cá nhân nước ngoài
Hộ chiếu số Passport no.	00 SPECIMEN 00
Nơi cư trú Place of residence	Căn 1804, chung cư THE LAKE VIEW <specimen>, KĐT Tây Hồ Tây, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN / Marital status declaration

② Thời gian cư trú được xác nhận Residence period covered	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/03/2026
③ Tình trạng hôn nhân trong thời gian nêu trên Marital status during that period	Chưa đăng ký kết hôn với ai
Tình trạng hôn nhân tại thời điểm cấp Giấy Marital status at time of issue	Hiện tại: Chưa đăng ký kết hôn

III. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA GIẤY / Purpose and validity

④ Giấy này được cấp để This certificate is issued for	Sử dụng làm thủ tục xác lập tài sản riêng khi nhận chuyển nhượng bất động sản tại Việt Nam
⑤ Giá trị sử dụng Period of validity	06 tháng kể từ ngày cấp — đến hết ngày 10/09/2026

⑥ Số vào sổ hộ tịch Civil-status register entry no.:
XN 00218 / 2026



⑦ Check validity - specimen

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026
UBND PHƯỜNG XUÂN TẢO, QUẬN BẮC TỪ
LIÊM, TP. HÀ NỘI
CHỦ TỊCH UBND



The *Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân* (Certificate of Celibacy / Marital Status), field by field

This certificate proves a buyer is unmarried, so a property can be registered as separate personal property rather than joint marital property. Markers ①–⑦ refer to the facsimile on the previous page. Specimen document — fictional data.

① Identity — *Họ, chữ đệm, tên, quốc tịch, hộ chiếu*

The holder's name, nationality and passport number must **exactly match** the identity used in the purchase contract and land-registry file.

RED FLAG Name or passport number differs from the sale contract, or spelling inconsistent with the passport.

② Residence period — *Thời gian cư trú được xác nhận*

The exact date range the ward confirms as covered. It should overlap the buyer's actual residence card / visa and reach close to the signing date.

RED FLAG Gap between the confirmed period and the transaction date, or address not matching the buyer's actual residence.

③ Marital status declared — *Tình trạng hôn nhân: Chưa đăng ký kết hôn với ai*

The core statement: no marriage was registered during the period covered. This is what allows the future property to be treated as the buyer's **separate asset**.

RED FLAG Any mention of marriage, divorce or a spouse's name that is not reflected elsewhere in the file.

④ Purpose of use — *Giấy này được cấp để*

A Vietnamese certificate of marital status is only valid for the **exact purpose stated**. One issued “for marriage” cannot be reused for a real-estate transaction — the notary or land registry will reject it.

RED FLAG Purpose stated is unrelated to the property transaction, or left blank.

⑤ Validity period — *Giá trị sử dụng: 06 tháng*

Unlike the Pink Book, this document expires fast: only **6 months from the issue date** (Decree 123/2015). If signing is delayed, it must be renewed.

RED FLAG Certificate already expired on the day the sale contract or notarised deed is signed.

⑥ Registration number — *Số vào sổ hộ tịch*

Entry number in the civil-status register of the issuing People's Committee (UBND). It lets you verify the certificate at the ward office that issued it.

⑦ QR & serial — *Số, mã QR*

Recent certificates carry a serial number and a verification QR code. On a genuine document they must match the issuing ward's register.

RED FLAG QR code missing or serial number inconsistent with the printed register entry.